TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT
Ngày 24 -5- 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thăng;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng;
Ông Trương Quang Tú.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký viên chính Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1995; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh HY.
- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm: 1986; (có mặt)
HKTT: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh HY.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh TB.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Cháu Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 12/12/2016; (vắng mặt)
2. Cháu Bùi Minh H, sinh ngày 20/11/2021; (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh HY.
Người giám hộ cho Thuỳ và cháu H: Chị D và anh Th là bố mẹ đẻ.
- Người làm chứng:
1. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1956; (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh TB.
2. Bà Đào Thị Dung, sinh năm: 1964; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh HY.
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và Anh Bùi Văn Th trước khi xây dựng gia đình có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh TB ngày 30/12/2015 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm. Cụ thể, đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Anh Th đi làm về không có trách nhiệm quan tâm gì đến vợ con. Đến tháng 06/2020 (tại phiên tòa chị D khai lại tháng 3/2022) vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay, chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị D và anh Th có 02 con chung là cháu Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 12/12/2016 và cháu Bùi Minh H, sinh ngày 20/11/2021, hiện cả hai con chung đang ở với chị D. Giải quyết ly hôn, chị D xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th xin được nuôi 01 con chung chị D không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn Anh Bùi Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Nguyễn Thị D trước khi kết hôn đã có thời gian yêu nhau khoảng 02 năm và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh TB ngày 30/12/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh, chị sống cùng với bố mẹ anh được một tháng thì đưa nhau về nhà bố mẹ vợ ở và sinh sống. Thời gian này chị D đi làm công nhân ở Công ty giầy da Ngọc Tề ở huyện T, tỉnh HY sáng đi tối về, còn anh Th đi làm thầu xây dựng nay đây mai đó thỉnh thoảng mới về thăm vợ con. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể, đầu năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc của anh phải đi làm xa nhà nhiều, vì anh phải đi làm theo công trình nên anh không có nhiều thời gian để chăm sóc vợ con. Anh và chị D đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2020 (tại phiên tòa anh Th khai lại tháng 3/2022) cho đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh Th cùng xác định tình cảm vợ chồng với chị D không còn, nên nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Th thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, cụ thể như chị D khai là đúng và hiện tại cả hai con đang ở với chịu Dịu. Nay vợ chồng ly hôn anh Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 12/12/2016; chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Minh H, sinh ngày 20/11/2021, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau. Chị D không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã Tcung cấp thông tin: Ngày 30/12/2015 UBND xã T, huyện Pcó cấp giấy giới thiệu cho chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995 để đi đăng ký kết hôn với Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1986 ở thôn Đồng Kỷ, xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn được một thời gian, anh Th chuyển khẩu từ Thái Bình về nhập khẩu vào gia đình ông Nguyễn Văn Hoài (bố chị D) sinh sống. Từ trước đến nay anh, chị chưa lần nào có đơn đề nghị UBND xã Tiên Tiến giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên địa phương không nắm được giữa hai anh, chị có nảy sinh mâu thuẫn gì hay không. UBND xã Tiên Tiến đề nghị Tòa án xác minh nguyên nhân, lý do mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09/03/2023, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ đã quyết định: Căn cứ vào: Các điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và Anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh H, sinh ngày 20/11/2021 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 12/12/2016 cho Anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D và Anh Bùi Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, và quyền kháng cáo.

Ngày 22 tháng 03 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D kháng cáo một phần bản án theo hướng đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị D được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung là cháu Thuỳ và cháu H vì hai con đã có cuộc sống ổn định cùng chị. Chị có công việc ổn định, được gia đình thường xuyên hỗ trợ chăm sóc các con. Cháu Thuỳ là con gái đã không được sự quan tâm của bố từ nhỏ, bản thân anh Th công việc thường xuyên phải đi xa nên không thể chăm lo cho cháu Thuỳ. Nếu được nuôi cả hai con, chị tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Th đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Th được nuôi con chung là cháu Thuỳ, chị D nuôi cháu H là đảm bảo. Nếu được nuôi cháu Thuỳ anh sẽ đưa cháu về cho mẹ đẻ là bà Phùng giúp đỡ trong thời gian anh đi làm xa. Anh

hiện đang làm việc tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, một tháng về nhà một lần.

- Bà Đào Thị Dung trình bà: Bà là mẹ của chị D, là mẹ vợ của anh Th. Vợ chồng anh Th, chị D sau khi kết hôn chung sống được 1 tháng thì bị bố mẹ đuổi khỏi nhà nên bà cho vợ chồng anh chị sống tại gia đình bà, trong thời gian anh Th chung sống với nhau ở gia đình bà, anh Th không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi làm xa, không gửi tiền về nuôi con, không quan tâm gì đến vợ con, các cháu ở với mẹ từ nhỏ, bà luôn hỗ trợ chị D chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, bản thân các cháu đều có nguyện ở với mẹ nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị D nuôi hai cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, kháng cáo của chị D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 389, điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Thuỳ và cháu H cho chị D nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị D trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị D thì thấy về điều kiện nuôi con của chị Thuỷ: Chị Thuỷ làm công nhân, địa điểm làm việc gần gia đình, thu nhập ổn định, chị Thuỷ có thời gian đưa đón các cháu đi học, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn đang sống cùng chị D, cháu Thuỳ đang học lớp 1 trường Tiểu học cơ sở xã Tiên Tiến, thời gian học tập mọi nghĩa vụ học phí, các khoản nghĩa vụ đóng góp đều do chị D nộp, cháu Bùi Thị Minh Thuỳ trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ vì mẹ là người yêu thương lo lắng chăm sóc, bà Dung là mẹ của chị D xác định bà là người hỗ trợ anh chị trong việc trông nom các cháu khi anh chị sống với nhau, anh chị sống tại gia đình bà, nếu chị D được nuôi con chung bà tiếp tục hỗ trợ chị D trông nom chăm sóc con chung. Về điều kiện nuôi con của anh Th thì thấy anh Th làm nghề xây dựng, địa điểm làm việc thay đổi thường xuyên và hầu hết là xa nhà, từ khi vợ chồng được Toà án sơ thẩm cho ly hôn, anh Th không có trách nhiệm với con chung chưa lần nào về thăm và chăm sóc con chung. Mặc khác hai con của anh chị đã sống ổn định cùng chị D từ khi sinh ra, trong khi anh Th không chứng minh được việc quan tâm chăm lo đến các con. Như vậy điều kiện nuôi con của chị D tốt hơn anh Th nên hội đồng xét xử sẽ sửa án sơ thẩm giao chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị Minh

Thuỳ để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của cháu. Chị D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị D nên được ghi nhận.

[3] Án phí: Do sửa án sơ thẩm nên chị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị D, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 81, Điều 82, Điều 83, và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Bùi Thị Minh Thuỳ, sinh ngày 12/12/2016 và cháu Bùi Minh H, sinh ngày 20/11/2021 cho đến khi cháu Thuỳ và cháu H đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này; nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh Dịu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, chị D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Anh Th, chị D hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, hoàn trả lại chị D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006237 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Tăng **Trương Quang Tú** **Nguyễn Ngọc Thăng**